

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM
Bản án số: 27/2022/HS-ST
Ngày 27/7/2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trương Thị Sen.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thêm;
2. Bà Nguyễn Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Lê Lý Công K, sinh ngày 19/10/1983 tại huyện S, tỉnh N; nơi thường trú: số 98/18 Cống L, phường 15, quận B, thành phố M; chỗ ở hiện nay: thôn T, xã A, huyện S, tỉnh N; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công P, sinh năm 1956 và bà Lý Huệ H, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: ngày 20/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 12/2021/HS-ST (chấp hành xong hình phạt vào ngày 29/10/2021); tiền sự: ngày 06/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện M, thành phố M áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 21 tháng theo Quyết định số 341/2018/QĐ-TA (chấp hành xong ngày 07/5/2020); ngày 11/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng theo Quyết định số 12/QĐ-TA. Nhân thân: ngày 02/8/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 08 năm tù về

tội “*Cướp tài sản*” theo Bản án số 411/2012/HSPT; ngày 21/4/2009, bị Công an phường 15, quận B, thành phố M xử phạt 350.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0022291/QĐ-XPHC (bị cáo đã nộp phạt xong).

Bị cáo bị tạm giữ ngày 31/3/2022, chuyển tạm giam ngày 06/4/2022, hiện đang còn tạm giam. *Có mặt tại phiên tòa.*

- *Bị hại:*

+ Anh Phan Văn T, sinh năm 1987; trú tại: tổ dân phố A, thị trấn A, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

+ Ông Phạm Văn N, sinh năm 1967; trú tại: tổ dân phố T, thị trấn P, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Lê Thị Thanh Th, sinh năm 1983; trú tại: tổ dân phố L, thị trấn P, huyện S, tỉnh N. *Vắng mặt.*

+ Ông Lê Công P, sinh năm 1956. *Vắng mặt.*

+ Ông Lê Minh H, sinh năm 1948. *Có mặt.*

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1978. *Vắng mặt.*

Cùng trú tại: tổ dân phố T, thị trấn P, huyện S, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: vào khoảng 21 giờ ngày 08/3/2022, bị cáo Lê Lý Công K điều khiển xe mô tô hiệu Ware biển số 92N1-4721 đi từ nhà mình dọc theo tuyến đường ĐT611 với mục đích tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo đi đến khu vực chợ A thuộc thị trấn A, huyện S thì nhìn thấy trước nhà ông Phan Văn T có để một chiếc xe lôi hai bánh tự chế (*loại không có động cơ*) nhưng không có người trông coi. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe lôi này nên đẩy xe lôi ra buộc vào xe mô tô 92N1-4721 rồi kéo về nhà mình tại thôn T, xã A. Sau đó, bị cáo đã sơn lại chiếc xe lôi trộm cắp được rồi đem để ở trên đường gần nhà mình (kèm theo số điện thoại của bị cáo) để rao bán. Đến ngày 23/3/2022, chị Lê Thị Thanh Th liên hệ với bị cáo để mua chiếc xe lôi này. Lúc này, bị cáo nhờ ông Lê Công P (là cha ruột của bị cáo) chở bị cáo đến vị trí để xe. Tại đây, bị cáo đã bán chiếc xe lôi này cho chị Th với giá 1.600.000 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 chiếc xe lôi tự chế hai bánh làm bằng khung kim loại màu đen xám, kích thước 1,93 cm x

0,9 cm x 0,9 cm có giá trị định giá là 650.000 đồng.

Vụ thứ hai: vào khoảng 01 giờ ngày 25/3/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô hiệu Ware biển số 92N1-4721 đi từ nhà mình tại thôn T, xã A đến tổ dân phố T, thị trấn P. Khi đi đến khu vực nhà máy tôn Hoa Sen thuộc tổ dân phố T, thị trấn P, bị cáo phát hiện có công trình xây dựng nhà ở của ông Phan Văn N nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo dựng xe ở ngoài đường, đi vào khu vực công trình nhà ông N lấy một bánh sắt sáu nhưng do sắt quá nặng bị cáo không thể di chuyển được nên bị cáo tiếp tục đi vào bên trong thì thấy có một cuộn thép buộc nặng khoảng 30 kg nên bị cáo lấy bỏ lên xe mô tô 92N1-4721 rồi chở về nhà. Khoảng 08 giờ ngày 25/3/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô 92N1-4721 chở cuộn thép trộm cắp được đi về hướng huyện H. Đi được một đoạn, bị cáo gặp một người mua ve chai dạo nên đã bán cuộn thép này với giá 300.000 đồng. Số tiền này bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 27/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S kết luận: 30 kg thép buộc có giá trị định giá là 749.970 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- Số tiền 90.000 đồng.
- 01 khay chứa thẻ sim số 89840200011255629253, trên khay có ghi số 0941173546 bằng mực màu xanh.
- 01 xe lô-tô tự chế hai bánh làm bằng khung kim loại, màu đen xám, kích thước 1,93 cm x 0,9 cm x 0,9 cm.

Cáo trạng số 25/CT-VKSQS ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh N đã truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Lý Công K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (31/3/2022); về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu tiêu hủy 01 khay chứa thẻ sim số 89840200011255629253, trên khay có ghi số 0941173546 bằng mực màu xanh do không còn giá trị sử dụng; Tiếp tục tạm giữ số tiền 90.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 08/3/2022 và ngày 25/3/2022, trên địa bàn huyện S, tỉnh N, lợi dụng lúc đêm khuya vắng vẻ và sự sơ hở của các chủ sở hữu, bị cáo Lê Lý Công K đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe ô tô tự chế của anh Phan Văn T và 30 kg thép buộc của ông Phan Văn N, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 1.399.970 đồng. Tuy nhiên, ngày 20/5/2021 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh N xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo đã chấp hành xong ngày 29/10/2021, tính đến ngày 08/3/2022 bị cáo chưa được xóa án tích. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được điều đó, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để trộm cắp tài sản với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Bị cáo từng bị xử phạt tù về hành vi “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*” nhưng bị cáo không lấy đó làm gương mà tiếp tục phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: bị cáo có 01 tiền án: ngày 20/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt

09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 12/2021/HS-ST (đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 29/10/2021); bị cáo có 02 tiền sự: ngày 06/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện H, thành phố M áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 21 tháng theo Quyết định số 341/2018/QĐ-TA (chấp hành xong ngày 07/5/2020); ngày 11/11/2020, bị Tòa án nhân dân huyện S áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng theo Quyết định số 12/QĐ-TA. Về nhân thân: ngày 02/8/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố M xử phạt 08 năm tù về tội “*Cướp tài sản*” theo Bản án số 411/2012/HSPT; ngày 21/4/2009, bị Công an phường 15, quận T, thành phố M xử phạt 350.000 đồng về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0022291/QĐ-XPHC. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào các ngày 08/3/2022 và 25/3/2022 nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo chấp hành xong hình phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” của Tòa án nhân dân huyện S ngày 29/10/2021 đến ngày 08/3/2022 bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mới, thể hiện sự không ăn năn, hối cải của bị cáo nên không áp dụng tình tiết “ăn năn, hối cải” đối với bị cáo.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, một phần tài sản bị trộm cắp được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo học tập, rèn luyện, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Những vấn đề có liên quan trong vụ án:

Đối với xe mô tô 92N1-4721 mà bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài thuộc sở hữu của ông Lê Minh H, ông H đã cho vợ chồng anh Trần Văn T sử dụng, anh T đã cho bị cáo mượn làm phương tiện đi lại. Việc bị cáo dùng xe mô tô này làm phương tiện đi trộm cắp tài sản anh T không biết nên không xử lý là phù hợp. Hiện nay xe mô tô này đang bị Công an xã L, huyện Đ tạm giữ.

Đối với chị Lê Thị Thanh Th, khi mua xe lô của bị cáo chị Th không biết đây là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị hại anh Phan Văn T đã nhận lại tài sản trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Phạm Văn N không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét trong vụ án này, ông N có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với chị Lê Thị Thanh Th bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền

1.600.000đ, bị cáo không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 khay chứa thẻ sim số 89840200011255629253, trên khay có ghi số 0941173546 bằng mực màu xanh là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 90.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 xe ô tô tự chế hai bánh làm bằng khung kim loại, màu đen xám, kích thước 1,93 cm x 0,9 cm x 0,9 cm đã trả lại cho chủ sở hữu anh Phan Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố: bị cáo Lê Lý Công K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Lê Lý Công K 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (31/3/2022).

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 01 khay chứa thẻ sim số 89840200011255629253, trên khay có ghi số 0941173546 bằng mực màu xanh.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 90.000 (Chín mươi nghìn) đồng để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 13/7/2022. Riêng số tiền 90.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Quế Sơn theo Ủy nhiệm chi ngày 13/7/2022).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử buộc bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (27/7/2022). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Phòng Hồ sơ CA huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Sen